

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về ban hành Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Báo cáo số 185/BC-BCĐ ngày 06/11/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030..

Trên cơ sở tham mưu đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 228/TTr-SNN&PTNT ngày 29/11/2019, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 686/BCTĐ-STP ngày 29/11/2019, ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh tại phiên họp Thường kỳ UBND ngày 22/11/2019, ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh ngày 25/11/2019 và ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 27/11/2019; UBND tỉnh báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn đến năm 2019 và sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, sự hưởng ứng, tích cực tham gia của các tầng lớp Nhân dân, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở tỉnh ta đã đạt được những thành tựu to lớn, diện mạo nông thôn đã có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 đạt 32,5 triệu đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2014 (mục tiêu tăng 2,5 lần vào năm 2020); đã hoàn thành trước một năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 đã đề ra, cụ thể: toàn tỉnh có 05 huyện, 341 xã (bằng 60% số xã xây dựng nông thôn mới) và 690 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thành phố Thanh Hóa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 16,56 tiêu chí, tăng 3,26 tiêu chí so với năm 2015.

Dự kiến mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh năm 2020 có 02 huyện, 30 xã, 70 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới và 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã và 03 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; giai đoạn 2021 - 2022 có thêm 02 huyện, 80 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 420 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; hàng năm, mỗi huyện phấn đấu có ít nhất 01 thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

Từ những kết quả đã đạt được và mục tiêu, yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022, để các nội dung chính sách vừa khuyến khích, tạo động lực và khí thế thi đua của các địa phương trong việc phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới, vừa đảm bảo khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn của

tỉnh thì việc sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 là thực sự cần thiết.

II. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung

2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

a) Đối tượng hỗ trợ

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 thuộc các xã miền núi, được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

b) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 500 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 600 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 700 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: 100 triệu đồng/thôn, bản.

- Hỗ trợ thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 100 triệu đồng/thôn, bản.

c) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của xã để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của xã, thôn, bản được hỗ trợ.

d) Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

đ) Thời gian thực hiện: 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

2.2. Sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

a) Đối tượng hỗ trợ: Các huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10.000 triệu đồng/huyện.

c) **Sử dụng kinh phí hỗ trợ:** Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của huyện để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của huyện được hỗ trợ.

d) **Nguồn kinh phí:** Nguồn ngân sách tỉnh.

đ) **Thời gian thực hiện:** 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

III. Tổ chức thực hiện

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành quy định biện pháp thi hành và hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

(Có Báo cáo và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC, TP, NN&PTNT;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NN. (607.2019)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Số: /2019/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 thuộc các xã miền núi, được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

2. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 500 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 600 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 700 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: 100 triệu đồng/thôn, bản.

- Hỗ trợ thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 100 triệu đồng/thôn, bản.

3. Sử dụng kinh phí được hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của xã để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của xã, thôn, bản được hỗ trợ.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

5. Thời gian thực hiện: 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

Điều 2. Sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Các huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10.000 triệu đồng/huyện.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của huyện để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của huyện được hỗ trợ.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

5. Thời gian thực hiện: 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày.....tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày.....thángnăm 20....

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Các bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH**Trịnh Văn Chiến**



Ký bởi Sở Tư Pháp
Giờ ký: 2019.11.29 15:35:47
+07:00

UBND TỈNH THANH HOÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 686 /BCTĐ-STP Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 về cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 28/11/2019, Văn phòng Điều phối nông thôn mới có Công văn số 713/VPĐP-NV về đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 về cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản, Sở Tư pháp thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Ngày 17/7/2015, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020; Ngày 02/7/2016, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay một số nội dung của hai Nghị quyết trên không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Do vậy, Văn phòng Điều phối nông thôn mới xây dựng dự thảo Nghị quyết trên báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về tên gọi văn bản:

Tên gọi Dự thảo Nghị quyết thể hiện: Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 về cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị sửa lại thành: *Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 về cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn*

mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho thống nhất với nội dung.

3. Về nội dung:

Đây là văn bản nhằm sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết thể hiện chung, chưa thể hiện rõ Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung nội dung gì?, Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể nào là không hợp lý. Do vậy, Sở Tư pháp đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét điều chỉnh và bố cục văn bản theo hướng như sau:

"Điều 1. Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

.....

2. Mức hỗ trợ

.....

3. Sử dụng kinh phí

.....

4. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2020 - 31/01/2022.

Điều 2. Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi như sau:

.....

2. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi như sau:

.....

3. Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi như sau:

.....

4. Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi như sau:

....."

- Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ, bởi đã được bố cục cụ thể vào các nội dung mà Sở Tư pháp đề nghị ở trên.

- Điều 4 và Điều 5 dự thảo nghị quyết, đề nghị gộp thành một điều và bỏ nội dung "Các nội dung khác giữ nguyêncủa HĐND tỉnh", bởi các nội dung của Nghị quyết không sửa đổi thì đương nhiên thực hiện, không cần phải quy định.

4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

5. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới hoàn chỉnh lại dự thảo văn bản theo các ý kiến thẩm định nêu trên, trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ phụ trách;
- Lưu: VT, XDVB.



Bùi Đình Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng huyện, xã, thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới của Trung ương và của tỉnh đến năm 2019; đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

(Kèm theo Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 29/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÂY DỰNG HUYỆN, XÃ, THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

I. Cơ chế, chính sách khen thưởng của Trung ương

Thực hiện theo Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 và Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

1. Nội dung chính sách

1.1. Đối với huyện

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) được thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000 triệu đồng.

- Thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, có đơn vị hành chính 10 xã trở lên được thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000 triệu đồng.

- Thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, có đơn vị hành chính từ 05 - 09 xã trở lên được thưởng công trình phúc lợi trị giá 5.000 triệu đồng.

1.2. Đối với xã

- Xã đạt chuẩn NTM và xã đặc biệt khó khăn có nhiều nỗ lực vươn lên trong xây dựng NTM được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen được thưởng công trình phúc lợi trị giá 1.000 triệu đồng.

- Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu được Chính phủ tặng Cờ thi đua được thưởng 01 công trình phúc lợi trị giá 1.000 triệu đồng.

1.3. Nguồn kinh phí thực hiện: Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

2. Kết quả thực hiện chính sách

2.1. Đối với khen thưởng giai đoạn 2011 - 2015 (nhưng thời điểm tiến hành hỗ trợ sau năm 2015):

Giai đoạn 2011 - 2015, có 41 đơn vị đã được khen thưởng với tổng kinh phí 50.000 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 39.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 11.000 triệu đồng; cụ thể:

- Đối với huyện: Có 01 huyện (huyện Yên Định) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM và được thưởng 10.000 triệu đồng.

- Đối với xã: Có 40 xã được Thủ tướng Chính phủ khen, thưởng, với tổng kinh phí 40.000 triệu đồng, gồm: ngân sách Trung ương 29.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 11.000 triệu đồng.

2.2. Đối với khen thưởng giai đoạn 2016 - 2020

Giai đoạn 2016 - 2020, có 18 đơn vị được khen nhưng chưa được thưởng theo chính sách (không bao gồm Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước tặng cho tỉnh); cụ thể:

- Đối với huyện: Có 04 huyện (Quảng Xương, Đông Sơn, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc) đạt chuẩn NTM và thành phố Thanh Hóa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III.

- Đối với xã: Có 12 xã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- Đối với thôn, bản: Có 01 bản (bản Ngâm, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn) được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

3. Kinh phí còn thiếu

Tổng nhu cầu kinh phí thưởng cho các địa phương đã được khen giai đoạn 2016 - 2020 là 62.000 triệu đồng; trong đó:

- Thưởng cho 04 huyện và thành phố Thanh Hóa: 50.000 triệu đồng.

- Thưởng cho 12 xã: 12.000 triệu đồng.

II. Cơ chế, chính sách khen thưởng của tỉnh

Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành 03 cơ chế, chính sách, trong đó có các nội dung liên quan đến hỗ trợ (thưởng) huyện, xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM, cụ thể như sau:

1. Cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3301/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh.

1.1. Nội dung chính sách

- Đối với xã đạt chuẩn NTM: Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã;

- Đối với thôn, bản đạt chuẩn NTM thuộc xã miền núi: Hỗ trợ 100 triệu đồng/thôn, bản.

1.2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

1.3. Kết quả thực hiện chính sách

a) Đối với xã

- Tổng số xã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn NTM đến 15/11/2019 là 341 xã; trong đó:

+ Có 45/45 xã đạt chuẩn giai đoạn 2012 - 2014 đã được thưởng trong giai đoạn 2011 - 2015.

+ Có 239/239 xã (bao gồm 68 xã đạt chuẩn NTM năm 2015 và 171 đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2019) đã được thưởng trong giai đoạn 2016 - 2020, với tổng kinh phí hỗ trợ là 239.000 triệu đồng.

+ Còn 57 xã chưa được thưởng do mới được công nhận đạt chuẩn NTM trong năm 2019.

b) Đối với thôn, bản

Tổng số thôn, bản miền núi được Chủ tịch UBND các huyện công nhận đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2016 - 2019 (đến 15/11/2019) là 656 thôn, bản; cụ thể:

- Có 423 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2018 đã được hỗ trợ với tổng kinh phí 42.300 triệu đồng.

- Có 233 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019 chưa được hỗ trợ (gồm: 103 thôn, bản năm 2018 và 130 thôn bản năm 2019).

c) Kinh phí còn thiếu

Tổng nhu cầu kinh phí thưởng cho các xã, thôn, bản đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019 là 80.300 triệu đồng; trong đó:

- Thưởng cho 57 xã đạt chuẩn NTM năm 2019: 57.000 triệu đồng.

- Thưởng cho 233 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019: 23.300 triệu đồng.

2. Cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2716/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh

2.1. Nội dung chính sách

Hỗ trợ 20.000 triệu đồng/huyện sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM (ngoài ra còn được Thủ tướng Chính phủ thưởng 10.000 triệu đồng theo chính sách của Trung ương).

2.2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

2.3. Kết quả thực hiện chính sách giai đoạn 2015 - 2019

Tổng số huyện được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2015 - 2019 là 5 huyện, gồm: Yên Định, Quảng Xương, Đông Sơn, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc.

a) *Đã hỗ trợ (thưởng)* được 5/5 huyện, với tổng kinh phí đã hỗ trợ 27.000 triệu đồng, cụ thể: Yên Định 15.000 triệu đồng (không bao gồm 10.000 triệu đồng đã được thưởng theo chính sách của Trung ương); Quảng Xương 3.000 triệu đồng; Đông Sơn 3.000 triệu đồng, Thọ Xuân 3.000 triệu đồng; Vĩnh Lộc 3.000 triệu đồng.

b) *Kinh phí còn thiếu* của 05 huyện so với định mức thưởng là 73.000 triệu đồng.

3. Chính sách khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 129/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 4312/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh

3.1. Nội dung chính sách

a) *Đối với huyện:*

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng (hỗ trợ) công trình phúc lợi trị giá 3.000 triệu đồng.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng (hỗ trợ) công trình phúc lợi trị giá 500 triệu đồng.

b) *Đối với xã:*

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng (hỗ trợ) công trình phúc lợi trị giá 500 triệu đồng.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100 triệu đồng

c) *Đối với thôn, bản:*

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50 triệu đồng.

d. *Nguồn kinh phí thực hiện:* Từ nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh.

3.2. Kết quả thực hiện chính sách

a) *Giai đoạn 2011 - 2015:*

Giai đoạn 2011 - 2015, có 70 đơn vị được khen thưởng, với tổng kinh phí 10.500 triệu đồng; cụ thể:

- *Đối với huyện:* Có 04 huyện được thưởng với tổng kinh phí 4.500 triệu đồng, gồm: 01 huyện (Quảng Xương) được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thưởng 3.000 triệu đồng; 03 huyện (Hoàng Hóa, Thọ Xuân, Như Thanh) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, thưởng mỗi huyện 500 triệu đồng.

- *Đối với xã:* Có 30 xã được thưởng với tổng kinh phí 4.200 triệu đồng, gồm: 03 xã (Hoàng Vinh - huyện Hoàng Hóa, Trường Sơn - huyện Nông Cống, Xuân Du - huyện Như Thanh) được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thưởng mỗi xã 500 triệu đồng; 27 xã thuộc 27 huyện được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, thưởng mỗi xã 100 triệu đồng.

- Đối với thôn, bản: Có 36 thôn, bản được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, với tổng kinh phí thưởng 1.800 triệu đồng, mỗi thôn 50 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

Giai đoạn 2016 - 2020, có 85 đơn vị được khen nhưng chưa được thưởng theo chính sách; cụ thể:

- Đối với huyện: Có 04 huyện, gồm 01 huyện (Hoàng Hóa) được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, 03 huyện (Như Xuân, Nga Sơn và thành phố Thanh Hóa) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

- Đối với xã: Có 26 xã, gồm 03 xã được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh; 23 xã được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

- Đối với thôn, bản: Có 55 thôn, bản được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3.3. Kinh phí còn thiếu

Tổng nhu cầu kinh phí còn thiếu để thưởng cho các đơn vị: 11.050 triệu đồng; trong đó:

- Thưởng cho 04 huyện: 4.500 triệu đồng (*gồm: 01 huyện được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thưởng 3.000 triệu đồng; 03 huyện được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen thưởng mỗi huyện 500 triệu đồng*).

- Thưởng cho 26 xã: 3.800 triệu đồng (*gồm: 03 xã được tặng Cờ thi đua mỗi xã 500 triệu đồng; 23 xã được tặng Bằng khen thưởng mỗi xã 100 triệu đồng*).

- Thưởng cho 55 thôn, bản: 2.750 triệu đồng (*mỗi thôn 50 triệu đồng*).

4. Tổng hợp kết quả thực hiện 3 cơ chế, chính sách khen thưởng của tỉnh

4.1. Kết quả thực hiện

Tổng kinh phí đã thực hiện: 318.800 triệu đồng (*bao gồm cả 33.500 triệu đồng ngân sách tỉnh tạm ứng/vay nguồn Trung ương*); cụ thể:

- Hỗ trợ (thưởng) các địa phương đạt chuẩn: 308.300 triệu đồng, trong đó:

+ Thưởng cho 423 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM: 42.300 triệu đồng.

+ Thưởng cho 239 xã đạt chuẩn NTM: 239.000 triệu đồng.

+ Thưởng cho 5 huyện đạt chuẩn NTM: 27.000 triệu đồng.

- Thưởng cho 4 huyện, 30 xã và 36 thôn, bản có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2011 - 2015 (*thực hiện trong năm 2016*): 10.500 triệu đồng thưởng cho.

4.2. Kinh phí còn thiếu

Tổng kinh phí còn thiếu 197.850 triệu đồng, trong đó:

a) *Kinh phí thưởng còn thiếu của các đơn vị đã được cấp có thẩm quyền công nhận: 164.350 triệu đồng, gồm:*

- + Thưởng cho 05 huyện đạt chuẩn NTM: 73.000 triệu đồng.
- + Thưởng cho các xã đạt chuẩn NTM năm 2019: 57.000 triệu đồng.
- + Thưởng cho các thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019: 23.300 triệu đồng.
- + Thưởng cho 85 đơn vị (4 huyện, 26 xã, 55 thôn) có thành tích trong phong trào chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020: 11.050 triệu đồng.

b) Kinh phí hoàn trả ngân sách Trung ương (kinh phí tạm ứng từ nguồn ngân sách Trung ương để thưởng cho các huyện, xã đạt chuẩn NTM trong năm 2019): 33.500 triệu đồng.

5. Đánh giá kết quả thực hiện và những hạn chế

5.1. Kết quả thực hiện

- Chính sách hỗ trợ (thưởng) thực sự đã phát huy tác dụng và đi vào cuộc sống, động viên, khuyến khích các huyện, xã, thôn, bản có nỗ lực cao trong xây dựng NTM; tạo động lực và khí thế thi đua giữa các địa phương trong việc phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM.

- Giúp các địa phương có thêm nguồn lực để đầu tư, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

- Góp phần vào việc hoàn thành mục tiêu kế hoạch Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 trước 1 năm, toàn tỉnh đã có 05 huyện, 341 xã, 592 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM; thành phố Thanh Hóa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; bình quân toàn tỉnh đạt 16,56 tiêu chí, tăng 3,26 tiêu chí so với năm 2015.

5.2. Hạn chế, yếu kém

- Nguồn ngân sách hàng năm của tỉnh bố trí để thực hiện cơ chế, chính sách còn hạn hẹp, chưa đáp ứng đủ theo nhu cầu và kết quả thực tế đạt chuẩn NTM của địa phương trong tỉnh; vẫn còn nhiều huyện, xã, thôn, bản chưa được hỗ trợ đủ theo định mức thưởng theo quy định.

- Việc thực hiện hỗ trợ (thưởng) cho các địa phương đạt chuẩn NTM chưa được kịp thời, cụ thể:

+ Kinh phí hỗ trợ (thưởng) phải chia thành nhiều lần và trong nhiều năm. Đối với các xã đạt chuẩn phải chia 02 lần/2 năm; các huyện chia thành nhiều lần (huyện Yên Định đã được hỗ trợ 2 lần, hiện còn thiếu 5.000 triệu đồng so với định mức chính sách).

+ Số lượng thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM được thưởng ở mỗi huyện phải chia thành 2 đợt (các thôn, đạt chuẩn NTM theo năm kế hoạch được thưởng trước và vào năm liền kề sau năm đạt chuẩn; các thôn, bản không thuộc năm kế hoạch thì được thưởng sau và vào năm tiếp theo), còn 233 thôn, bản đạt chuẩn NTM nhưng chưa được thưởng theo quy định.

B. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KHOẢN 2 ĐIỀU 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 126/2015/NQ-HĐND NGÀY 17/7/2015 CỦA HĐND TỈNH VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH

SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2016/NQ-HĐND NGÀY 02/7/2016 CỦA HĐND TỈNH VỀ VIỆC BAN HÀNH CƠ CHẾ HỖ TRỢ XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2020

I. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016;

- Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về ban hành Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

- Báo cáo số 185/BC-BCĐ ngày 06/11/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Thanh Hóa;

- Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Nghị quyết số 129/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020;

- Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

II. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, sự hưởng ứng, tích cực tham gia của các tầng lớp Nhân dân, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở tỉnh ta đã đạt được những thành tựu to lớn, diện mạo nông thôn đã có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 đạt 32,5 triệu đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2014 (mục tiêu tăng 2,5 lần vào năm 2020); đã hoàn thành trước một năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 đã đề ra, cụ thể: toàn tỉnh có 05

huyện, 341 xã (bằng 60% số xã xây dựng nông thôn mới) và 690 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thành phố Thanh Hóa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 16,56 tiêu chí, tăng 3,26 tiêu chí so với năm 2015.

Sau gần 4 năm thực hiện cơ chế, chính sách thường các huyện, xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM, đã động viên, khuyến khích các huyện, xã, thôn, bản có nỗ lực cao trong xây dựng NTM; tạo động lực và khí thế thi đua giữa các địa phương trong việc phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM; góp phần quan trọng vào thành công của Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Dự kiến mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh năm 2020 có 02 huyện, 30 xã, 70 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới và 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã và 03 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; giai đoạn 2021 - 2022 có thêm 02 huyện, 80 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 420 thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; hàng năm, mỗi huyện phấn đấu có ít nhất 01 thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu (*tương ứng với khoảng 50% mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025 theo Báo cáo số 185/BC-BCĐ ngày 06/11/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa*).

Từ những kết quả đã đạt được và mục tiêu, yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022, để các nội dung chính sách vừa khuyến khích, tạo động lực và khí thế thi đua của các địa phương trong việc phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới, vừa đảm bảo khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn của tỉnh thì việc sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 là thực sự cần thiết.

III. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Trên cơ sở tham mưu đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 228/TTr-SNN&PTNT ngày 29/11/2019, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 686/BC/Đ-S/TP ngày 29/11/2019, ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh tại phiên họp Thường kỳ UBND ngày 22/11/2019, ý kiến ngày 25/11/2019 và ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 27/11/2019; UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

1.1. Đối tượng hỗ trợ

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 thuộc các xã miền núi, được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020 - 2022 được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

1.2. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 500 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 600 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 700 triệu đồng/xã.

- Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: 100 triệu đồng/thôn, bản.

- Hỗ trợ thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 100 triệu đồng/thôn, bản.

1.3. Sử dụng kinh phí được hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của xã để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của xã, thôn, bản được hỗ trợ.

1.4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

1.5. Thời gian thực hiện: 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

2. Sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

2.1. Đối tượng hỗ trợ: Các huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2022 được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận.

2.2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10.000 triệu đồng/huyện.

2.3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được bổ sung vào ngân sách của huyện để thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của huyện được hỗ trợ.

2.4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

2.5. Thời gian thực hiện: 03 năm, kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

IV. Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2020 - 2022 khoảng 213.500 triệu đồng (chưa bao gồm kinh phí còn thiếu để thưởng cho các huyện,

xã, thôn, bản đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn và khen đến hết năm 2019 tại Điểm 4.2, Khoản 4, Mục II, Phần A là 197.850 triệu đồng).

1. Năm 2020

Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ năm 2020 là 52.700 triệu đồng; trong đó:

- Hỗ trợ các huyện đạt chuẩn NTM: 20.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 02 huyện đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 2 huyện x 10.000 triệu đồng/huyện = 20.000 triệu đồng)

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM: 15.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 30 xã đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 30 xã x 500 triệu đồng/xã = 15.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 9.000 triệu đồng.

(Dự kiến có 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, nhu cầu kinh phí: 15 xã x 600 triệu đồng/xã = 9.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 1.400 triệu đồng.

(Dự kiến có 2 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nhu cầu kinh phí: 2 xã x 700 triệu đồng/xã = 1.400 triệu đồng).

- Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM: 7.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 70 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 70 thôn, bản x 100 triệu đồng/thôn, bản = 7.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 300 triệu đồng.

(Dự kiến có 3 thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nhu cầu kinh phí: 3 thôn, bản x 100 triệu đồng/thôn, bản = 300 triệu đồng).

2. Giai đoạn 2021 - 2022

Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2022 là 160.800 triệu đồng; trong đó:

- Hỗ trợ các huyện đạt chuẩn NTM: 20.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 2 huyện đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 2 huyện x 10.000 triệu đồng/huyện = 20.000 triệu đồng)

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM: 40.000 triệu đồng.

(Dự kiến có 80 xã đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 80 xã x 500 triệu đồng/xã = 40.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 45.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 75 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, nhu cầu kinh phí: 75 xã x 600 triệu đồng/xã = 45.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 8.400 triệu đồng.

(Dự kiến có 12 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nhu cầu kinh phí: 12 xã x 700 triệu đồng/xã = 8.400 triệu đồng).

- Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM: 42.000 triệu đồng.

(Dự kiến có thêm 420 số thôn bản miền núi đạt chuẩn NTM, nhu cầu kinh phí: 420 thôn, bản x 100 triệu đồng/thôn, bản = 42.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 5.400 triệu đồng.

(Dự kiến hàng năm mỗi huyện phấn đấu có ít nhất 01 thôn, bản NTM kiểu mẫu, nhu cầu kinh phí: 27 huyện, thị xã, thành phố x 01 thôn, bản/năm x 2 năm x 100 triệu đồng/thôn, bản = 5.400 triệu đồng).

V. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Chủ trì phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp danh sách các xã đăng ký và có khả năng đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm và cả giai đoạn 2021 - 2025, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, báo cáo UBND tỉnh theo yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới.

- Theo dõi, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí của các địa phương đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng kế hoạch lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách do ngành quản lý phù hợp với mục tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phổ biến cho các xã trên địa bàn nắm rõ các nội dung của cơ chế, chính sách. Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các xã, thôn, bản quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Chủ tịch UBND huyện chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh trong việc quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ của các đối tượng trên địa bàn.

- Huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo, thực hiện đảm bảo tiến độ đạt chuẩn theo đăng ký của huyện, xã, thôn, bản.

- Định kỳ 6 tháng, năm gửi báo cáo tiến độ thực hiện công trình và giải ngân nguồn vốn được hỗ trợ về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng huyện, xã, thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới của Trung ương và của tỉnh đến năm 2019; đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và sửa đổi Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Số: 126/2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng
nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

Sau khi xem xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 274/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung sau:

1. Hỗ trợ đầu tư các công trình: Trụ sở xã, trung tâm văn hóa - thể thao xã, trạm y tế xã.

a) *Đối tượng hỗ trợ:*

Các xã nằm trong danh sách các xã đăng ký và có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) *Điều kiện hỗ trợ:*

- Các công trình: Trụ sở, trạm y tế, trung tâm văn hóa - thể thao xã phải phù hợp với điều kiện về xây mới và nâng cấp, cải tạo như sau:

+ Đối với công trình trụ sở xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trụ sở xã hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV, đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 300m².

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã có trụ sở làm việc kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 300 - 600m², nay cần xây dựng bổ sung một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với công trình trạm y tế xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trạm y tế xã, hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 150m², chưa đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã đầu tư xây dựng kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 150 - 300m², cần đầu tư thêm một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với trung tâm văn hóa - thể thao xã: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới đối với các xã chưa có, hoặc đã có trung tâm văn hóa - thể thao xã nhưng đã hư hỏng, xuống cấp không thể sử dụng được cần phải xây dựng mới đồng bộ cả nhà văn hóa đa năng và sân thể thao phổ thông.

- Các công trình xây mới, nâng cấp, cải tạo nêu trên phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi được hỗ trợ đầu tư phải đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Có cam kết vốn đối ứng của Ủy ban nhân dân xã, được Ủy ban nhân dân huyện thẩm định và đồng ý đưa vào danh sách đề nghị tỉnh hỗ trợ.

c) Nguyên tắc hỗ trợ:

Các công trình được hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với điều kiện nêu tại mục a mục b nêu trên; trong giai đoạn 2016 - 2020 mỗi xã chỉ được hỗ trợ 01 công trình do xã tự lựa chọn trong các công trình: Trụ sở xã, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa - thể thao xã; ưu tiên hỗ trợ trước cho các xã có khả năng sớm đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Mức hỗ trợ:

- Công trình trụ sở xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 1,3 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4 tỷ đồng/công trình xây mới; 1,2 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới; 1,0 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Công trình trạm y tế xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 2,2 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 650 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 2,0 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 600 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 1,8 tỷ đồng/công trình xây mới; 550 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Công trình trung tâm văn hóa - thể thao xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây mới.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4,0 tỷ đồng/công trình xây mới.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới.

2. Hỗ trợ xã; thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

- Các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 thuộc những xã miền núi chưa đạt chuẩn nông thôn mới, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận.

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới: Hỗ trợ 1,0 tỷ đồng/xã;

- Đối với thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc xã miền núi: Hỗ trợ 100 triệu đồng/thôn, bản.

c) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ:

Kinh phí hỗ trợ được sử dụng để bổ sung vào nguồn xây dựng mới và duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí về kết cấu hạ tầng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách.

3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách:

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư các công trình trụ sở xã, trạm y tế và trung tâm văn hóa - thể thao xã: Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Kinh phí hỗ trợ các xã, thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: Từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, quy định cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2015./.

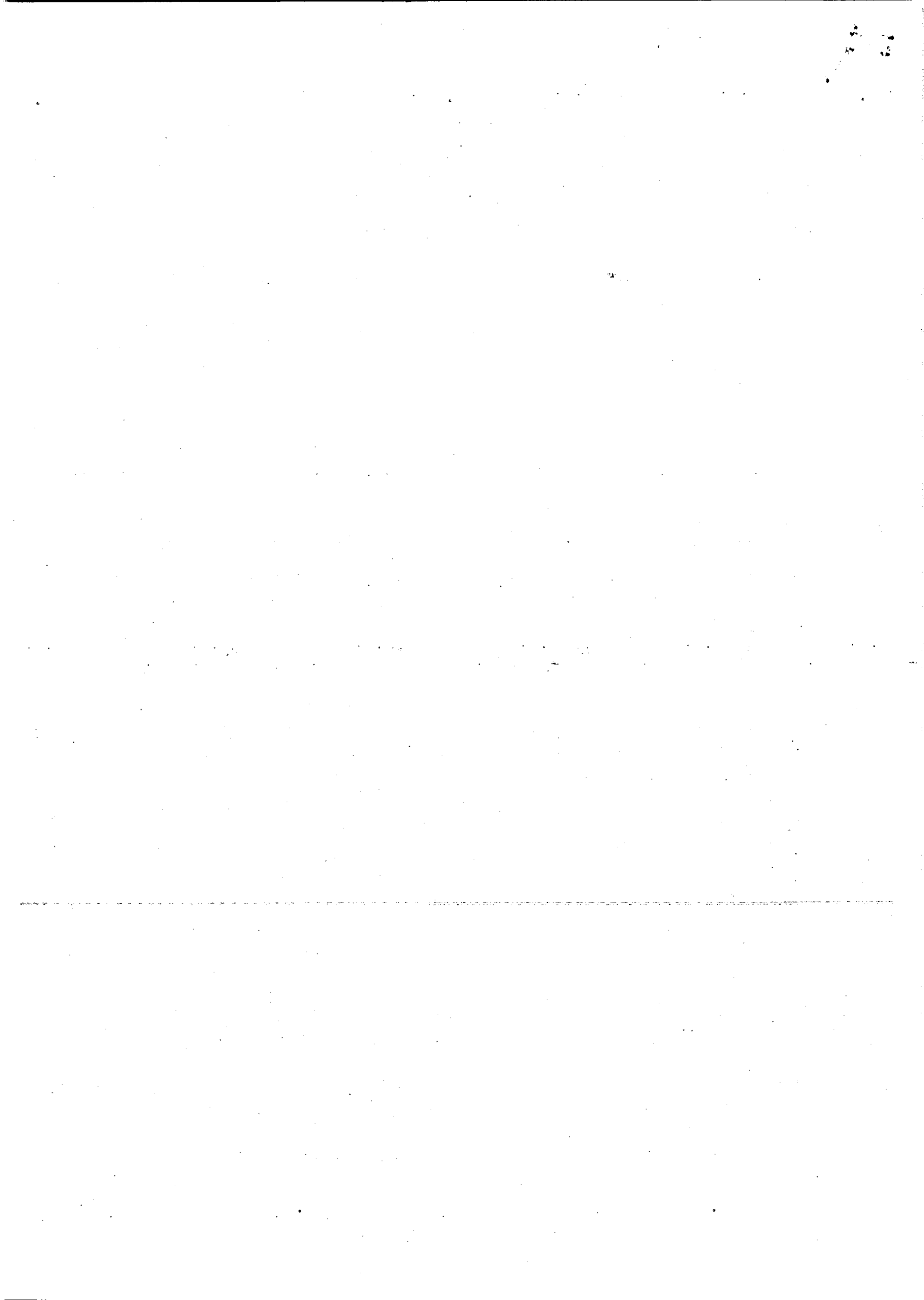
Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2016/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 320/HĐND-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc đề nghị ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, với các nội dung sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

Huyện đạt chuẩn nông thôn mới được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận trong các năm đến năm 2020.

2. Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 20 tỷ đồng/huyện, sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Sử dụng kinh phí được hỗ trợ:

Kinh phí hỗ trợ để xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, thanh toán khối lượng hoàn thành và bảo trì, nâng cao chất lượng các công trình thuộc tiêu chí huyện nông thôn mới được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh.

5. Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2016 đến năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh.

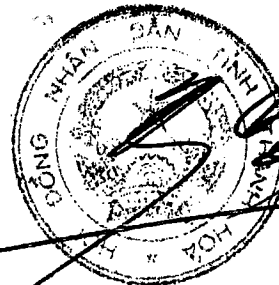
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá Khoá XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến